

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG HACCO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG HACCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HACCO ARCHITECTURE AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109298401

3. Ngày thành lập: 07/08/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10, hẻm 1/16/71 Phố Thúy Lĩnh, Tổ 21, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0967.344.309

Fax:

Email: haccojsc2@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
2.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
3.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
4.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
5.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
6.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
7.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
8.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
9.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
10.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
11.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
12.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ loại nhà nước cấm)	2420
13.	Đúc sắt, thép	2431
14.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
15.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
16.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
17.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

18.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
19.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
20.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
21.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
22.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
23.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
24.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
25.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
26.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
27.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
28.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
29.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
30.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
31.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
32.	Sản xuất máy luyện kim	2823
33.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
34.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng - Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	2829
35.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
36.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
37.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
38.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
39.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
40.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
41.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý nước thải ;	3700
42.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
43.	Xây dựng nhà không để ở	4102
44.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
45.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
46.	Xây dựng công trình điện	4221

47.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
48.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
49.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
50.	Xây dựng công trình thủy	4291
51.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
52.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
53.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
54.	Phá dỡ	4311
55.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
56.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
57.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
58.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
59.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
60.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao - Dịch vụ diệt các loại côn trùng, diệt khuẩn (theo quy định tại Điều 41 Nghị định 91/2016/NĐ-CP, sửa đổi bởi Nghị định 155/2018/NĐ-CP)	4390
61.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa	4610

62.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
64.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	4662
65.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
66.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
67.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
68.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
69.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
70.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
71.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

72.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
73.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
74.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (loại trừ đấu giá)	4789
75.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
76.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (theo quy định tại Điều 13 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4931
77.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
78.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng mô tô, xe máy có gắn động cơ; - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (theo quy định tại Điều 14 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
79.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường thủy; - Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; - Hoạt động của các cửa ngàm đường thủy; - Hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu cập bến (theo quy định tại Điều 257 Bộ luật hàng hải 2015)	5222
82.	Bốc xếp hàng hóa	5224
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ; - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;	5225

84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Logistics (theo quy định tại Điều 4 Nghị định 163/2017/NĐ-CP) - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan (theo quy định tại Điều 20 Luật Hải Quan năm 2014); - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.	5229
85.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát thi công xây dựng (Điều 49 Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng, được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 9, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Điều 155 Luật xây dựng năm 2014, Điều 66 Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng, được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 33 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (Điều 48 Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng, được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 8 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Thiết kế xây dựng công trình (Điều 61 Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng, được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 28, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Tư vấn quản lý dự án xây dựng (Điều 63 Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng, được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 30, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP). - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110

86.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
87.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (theo Điều 16, Điều 17 Nghị định 187/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 77/2016/NĐ-CP)	8299

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ VĂN MINH	Thôn Mai Xuyên, Thị trấn Ân Thi, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	99.000	990.000.000	49,500	0330900055 26	
			Tổng số	99.000	990.000.000	49,500		
2	BÙI NAM GIANG	Xóm 6, Xã Phúc Lâm, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	99.000	990.000.000	49,500	112286010	
			Tổng số	99.000	990.000.000	49,500		
3	BÙI ĐẮC ĐẠT	Xóm 6, Xã Phúc Lâm, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000	20.000.000	1,000	112096576	
			Tổng số	2.000	20.000.000	1,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ VĂN MINH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *15/08/1990*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *033090005526*

Ngày cấp: *11/11/2019*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Mai Xuyên, Thị trấn Ân Thi, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 10, hẻm 1/16/71 Phố Thúy Lĩnh, Tổ 21, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội